

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HS-ST
Ngày 20 – 7 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- L phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An.

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1990 tại xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị E; có vợ là Trần Thị Ê (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: 01. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 260/QĐ-XPHC ngày 09/9/2022 của Chủ tịch UBND xã A, huyện B xử phạt T số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác đất mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 12/9/2022 T đã nộp phạt xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 01/3/2023, Hà Văn G, sinh năm 1986 trú tại thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đi qua nhà bà Hà Thị I, sinh năm 1981, trú tại thôn I1,

xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì thấy gia đình bà I đang thi công phần móng công trình xây dựng nhà. G thấy ngôi nhà đang xây gần điện thờ và phần móng nhà cao hơn mặt đường nên cần đất để đổ vào nên G đã thỏa thuận, thống nhất với bà I để G liên hệ thuê máy và gọi xe chở đất đổ công trình cho bà I mục đích lấy tiền công. G và bà I thỏa thuận, tiền cước xe vận chuyển là 70.000 đồng/01 xe, còn tiền công máy và tiền đất khi nào xong bà I trả sau. Sau đó G gọi điện cho Phạm Văn T là lái máy xúc thuê cho anh Phạm Văn H, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, G trao đổi với T là G nhận được công trình đổ móng nhà cho bà I, bà I xin được đất nhà ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1984 trú tại thôn K1, xã A, huyện B và nhờ được đường đi của dân nên G thuê T cho máy xúc lên lấy đất và thuê xe chở về cho bà I, tiền cước xe bà I trả còn tiền dầu, mỡ, công máy bà I trả sau. Khi thấy G trao đổi nội dung trên, mặc dù biết khu đất đồi của ông Nguyễn Hồng K chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhưng T vẫn đồng ý nhận lời với G. Đến ngày 03/3/2023, T gọi điện thuê Trần Văn L, Hồ Mạnh M, Nguyễn Minh N là những người có xe ô tô tải chở đất cho T thì họ đều đồng ý. Để tránh bị lực lượng chức năng phát hiện nên đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/03/2023, T mới điều khiển máy xúc đào bánh xích Komatsu PC50 màu xanh tím của anh Phạm Văn H đến thửa đất số M2, tờ bản đồ số M3 ở khu đồi A1 thuộc xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc của ông K để khai thác đất, cùng lúc này anh Trần Văn L điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát L1, anh Hồ Mạnh M điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát M1 và anh Nguyễn Minh N điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát N1 đi đến để chở đất thuê cho T. Lúc này, T điều khiển máy xúc khai thác đất và múc đất lên các thùng xe ô tô để anh L, M, N chở đến đổ cho nhà bà I. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Hà Văn G đi qua nhà bà I thấy có ít xe chở đất đổ cho công trình nhà bà I nên G đã gọi điện cho Nguyễn Trung P, sinh năm 1985 ở cùng thôn với G để thuê P đến khu đồi A1 chở đất thuê do T khai thác đến đổ cho nhà bà I, P đồng ý và gọi điện rủ thêm Trần Tiến Q, sinh năm 1997 cũng ở thôn C, xã A, huyện B đi chở đất cùng. Nguyễn Trung P điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát P1, còn Trần Tiến Q điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát Q1 đến khu đồi A1 thì được T điều khiển máy xúc múc đất lên thùng xe để P, Q, L, M và N chở đến công trình nhà bà I. Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 03/3/2023 thì xe ô tô tải của Trần Văn L đã vận chuyển được 06 chuyến đất bằng 18m³, xe ô tô tải của Trần Tiến Q vận chuyển được 02 chuyến đất bằng 6m³; xe ô tô tải của Hồ Mạnh M vận chuyển được 05 chuyến đất bằng 15m³, xe ô tô tải của Nguyễn Trung P vận chuyển được 02 chuyến bằng 6m³ và xe ô tô tải của Nguyễn Minh N vận chuyển được 05 chuyến bằng 15m³ thì bị tổ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện. Tại thời điểm kiểm tra, T cùng các lái xe không xuất trình được giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, tạm giữ 01 máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC50W, bánh xích màu sơn xanh tím, 05 xe ô tô tải biển kiểm soát L1, Q1, N1, P1, M1 và thu mẫu đất tại hiện trường, trên thùng xe, vị trí đổ đất tại công trình nhà bà I để phục vụ điều tra.

Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định được: Hiện trường vụ khai thác đất trái phép xảy ra ngày 03/3/2023 là khu vực mặt bằng đất trống thuộc thửa đất số M2, tờ bản đồ số M3, đứng tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963, trú tại thôn M1, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (đã bán cho ông K). Khu vực mặt bằng nằm tại đồi A1 xung quanh là rừng bạch đàn có 01 lối vào bằng đường đất đỏ từ hướng Nam (từ khu dân cư vào hiện trường). Khu vực này có chiều dài 46m, vị trí rộng nhất là 28,6m; xung quanh có thành vách cao lên phía trên, vị trí cao nhất 3,5m. Vị trí phát hiện vụ việc nằm tại phía Bắc của mặt bằng, cách mép hướng Tây của mặt bằng 15,8m; vị trí này dài 12,7m; rộng 7,8m có thành hướng Bắc cao 3,5 m so với mặt bằng. Tại thành đứng này có các vết cào, mức đất hằn vết răng rộng 6cm, còn mới. Bên trong ở hướng Đông Bắc có đồng đất dài 9,2m; rộng 6,1m; vị trí thấp nhất 1,2m; vị trí cao nhất 1,9m; phát hiện phía trên đồng đất có các vết bánh xích có chiều rộng 40cm, cách thành hướng Đông 3,8m; cách thành hướng Bắc 3,8m theo sự chỉ dẫn của anh Phạm Văn T chỉ vị trí máy móc hoạt động là vị trí có các vết bánh xích phía trên đồng đất đã tả ở trên.

Mở rộng hiện trường: Tại khu vực mặt bằng trên nền lối vào vị trí xảy ra vụ việc có các vết hằn bánh xe và để lại nhiều mảng đất bám dính theo vết bánh xe xung quanh khu vực mặt bằng, ngoài phần tả luy có vết cào hằn còn mới.

Theo chỉ dẫn của anh Nguyễn Minh N chỉ lại vị trí đồ đất tại nhà bà Hà Thị I cách vị trí mức đất tại hiện trường khoảng 300m. Xác định tại nhà bà I phía trong có ngôi nhà đang xây phần móng và đồ đất nền.

Kết quả xác minh về nguồn gốc, chủ sử dụng thửa đất vị trí bị khai thác và vị trí đồ đất:

- Vị trí khai thác đất: Cơ quan điều tra đã làm việc với UBND xã A, huyện B xác định vị trí thửa đất bị Phạm Văn T khai thác khoáng sản (đất) vào tối ngày 03/3/2023 thuộc thửa đất số M2, tờ bản đồ địa chính số M3, ở khu đồi A1 thôn I1, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Diện tích thửa đất là 9043.6m, loại đất RSM (rừng sản xuất). Chủ sử dụng đất theo sơ đồ là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963; trú tại thôn M1, xã A, huyện B.

Địa điểm thửa đất nêu trên từ trước đến nay không được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho tổ chức, cá nhân nào khai thác khoáng sản.

- Vị trí đồ đất: Cơ quan điều tra đã làm việc với UBND xã A, huyện B xác định vị trí đồ đất là thửa đất số 129, tờ bản đồ số 13, diện tích 714.5m² loại đất ở nông thôn, thửa đất được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đào H K và bà Hà Thị I, địa chỉ thôn I1, xã A, huyện B. Việc xây dựng nhà trên thửa đất này là hoàn toàn hợp pháp.

Ngày 06/3/2023, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc Quyết định trưng cầu Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc giám định mẫu đất thu tại hiện trường, thu trên phương tiện và thu tại vị trí đồ đất trong vụ khai thác đất ngày 03/3/2023 nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 02/KL- GDTPXD ngày

13/3/2023 Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

Giám định tính chất cơ lý của đất để xác định phân loại đất xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4198:2014 là đất sỏi, sạn có hàm lượng sỏi sạn từ 64,8% đến 65,9%.

Phân loại đất xây dựng theo định mức dự toán xây dựng - Phần xây dựng được công bố tại văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/20M3 của Bộ xây dựng là đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn.

Cùng ngày 06/3/2023 Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 439/VPCQCSĐT- Đ3 đề nghị Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc; Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành:

- Đo đạc, xác định diện tích đã bị các đối tượng khai thác là bao nhiêu m², quy đổi ra khối lượng đất đã bị khai thác là bao nhiêu m³.

- Trên cơ sở tọa độ, vị trí, diện tích đã đo đạc xác định: Vị trí bị khai thác trên đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho cá nhân, tổ chức nào chưa? Nếu có thì tổng diện tích, khối lượng được cấp phép khai thác là bao nhiêu? Mục đích khai thác để làm gì; có tiến hành khai thác đúng thiết kế kỹ thuật và những quy định trong giấy phép không; khai thác trong diện tích được cấp phép là bao nhiêu m³ khai thác ngoài diện tích được cấp phép là bao nhiêu?

- Hành vi nêu trên của các đối tượng có được coi là khai thác khoáng sản không, nếu có thì quy định tại văn bản nào?

- Vị trí bị khai thác trên nằm trong diện tích đất rừng sản xuất thì việc khách thác, vận chuyển ra ngoài có phải làm thủ tục xin cấp phép không và cơ quan nhà nước nào cấp phép nội dung này? Việc khai thác, vận chuyển tối ngày 03/3/2023 trên là trái phép hay không, nếu trái phép thì được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Ngày 09/3/2023, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với Cơ quan điều tra, những người có liên quan tiến hành đo đạc, xác định diện tích, khối lượng đất bị khai thác tại khu đồi A1. Kết quả ngày 17/3/2023, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 25/TTKTTNMT- NVTNMT xác định:

Diện tích khu I khai thác theo chỉ giới từ 1, 2, 3, 4, 5 là 332,8m², khối lượng đào là 474,51m³.

Diện tích khu 2 khai thác theo chỉ giới 6,7,8,9 là 229,0m². Khối lượng đắp là 206,47m³.

Ngày 16/3/2023, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 855/STNMT- KSTNNKTTV trả lời Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc nội dung:

Tại vị trí thuộc thửa đất số M2, tờ bản đồ địa chính số M3, địa chỉ khu đồi A1 thuộc thôn I1- xã A không có tổ chức, cá nhân nào được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, do đó mọi hoạt động khai thác, vận chuyển đất ra ngoài vị trí nêu trên là hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

Đối chiếu tại Khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản 2010 quy định cụ thể việc Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, xác định việc khai thác, vận chuyển đất ra ngoài khu vực khai thác đất nêu trên không thuộc trường hợp không phải đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc khai thác vận chuyển đất ra ngoài khu vực khai thác đất nêu trên khi chưa được UBND cấp tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản (quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật khoáng sản 2010) là hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

Căn cứ Kết luận giám định số 02/KL- GDTPXD ngày 13/3/2023 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng- Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 27/3/2023 và ngày 08/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc xác định “đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn” có phải là khoáng sản không? Loại khoáng sản và được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Ngày 12/5/2023 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 1676/TNMT- KSTNNKTTV trả lời với nội dung:

- Tại khoản 1, Điều 2 của Luật khoáng sản 2010 quy định “Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ;

Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy định tại Điều 64 Luật khoáng sản.

- Khoản 1, Điều 7, Luật thuế tài nguyên, trong biểu khung thuế suất tài nguyên có thể hiện Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình là loại tài nguyên thuộc nhóm khoáng sản không kim loại.

- Tại Nghị định 164/2016/NĐ- CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình thuộc nhóm Khoáng sản không kim loại, là một trong những loại khoáng sản phải nộp phí BVMT (Mục 5, phần II- Biểu khung mức phí bảo vệ Môi trường đối với khai thác khoáng sản).

....Từ các căn cứ trên, xác định đất khai thác để san lấp cũng là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

Ngày 16/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Yêu cầu định giá tài sản số 49/YC- VPCQCSĐT- Đ3 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong

tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành định giá: 1m³ đất xây dựng là đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn bị khai thác tại khu đồi A1, thôn I1, xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và 01 máy xúc đào bánh xích, nhãn hiệu KOMATSU PC50UU- 2E, sản xuất năm 1995, nước sản xuất Japan, số khung 12950, số máy 00419, đã qua sử dụng.

Tại kết luận định giá số 1056/KL-HĐĐG ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

- 01m³ đất xây dựng là đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn bị khai thác tại khu đồi A1 - thôn I1 - xã A - B - Vĩnh Phúc có giá là 53.900 đồng, thời điểm định giá là tháng 3/2023.

- Máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC50UU- 2E, sản xuất năm 1995, nước sản xuất Japan, số khung 12950, số máy 00419, đã qua sử dụng, có giá: 410.000.000 đồng, thời điểm định giá là tháng 3/2023.

Căn cứ kết luận định giá nêu trên xác định khối lượng đất đã bị khai thác, vận chuyển là 60m³ tương đương số tiền 3.234.000 đồng.

Anh Hà Văn G là người đã liên hệ với T đến khu đất thuộc đồi A1 để khai thác đất, liên hệ gọi người đến chở đất đổ vào công trình nhà bà I ngày 03/3/2023 mục đích để lấy tiền công và công đức cho nhà bà I, trong khi bản thân anh G không biết khu đất này có được cấp phép khai thác hay không là hành vi Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên tuy nhiên khối lượng đất khai thác ít, bản thân anh G chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi “Vi phạm về khai thác tài nguyên, khoáng sản” do vậy hành vi của anh G không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với G số tiền 45.000.000 đồng theo điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính Phủ.

Các anh Trần Văn L, Hồ Mạnh M, Nguyễn Minh N, Nguyễn Trung P, Trần Tiến Q là những người lái ô tô tải chở đất từ khu khai thác trái phép đổ vào công trình nhà bà I nhưng những người này không được bàn bạc, thống nhất gì với anh G và T, không biết việc T khai thác đất là trái phép, những người này chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Anh Phạm Văn H là chủ máy xúc nhãn hiệu Komatsu PC50, anh H không biết và không được bàn bạc gì về việc khai thác đất trái phép; bà Hà Thị I là người mua đất do T khai thác, vận chuyển đến, bản thân bà I không biết T khai thác đất trái phép, bà I xây dựng công trình trên đất của gia đình mình nên hành vi của bà I không vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản, đất đai hay xây dựng. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H và bà I.

Các anh Nguyễn Hồng K và ông Nguyễn Văn M đều không biết và không trao đổi, bàn bạc gì với T và anh G về hành vi khai thác trái phép đất nên cơ quan điều tra không xử lý về hành vi Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên là đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi mua của ông Nguyễn Văn M 7.600m² đất nằm trong thửa đất số M2, tờ bản đồ số M3 thuộc khu đồi A1 xã A, huyện B đến

tháng 6/2022, anh Nguyễn Hồng K đã thuê người đến san gạt đất, làm bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề, diện tích bị thay đổi biên dạng là 332,8m². Hành vi này là vi phạm quy định về sử dụng đất đai theo Điều 15 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị UBND xã A, huyện B xem xét, xử lý hành vi của anh Nguyễn Hồng K theo quy định của pháp luật.

Đối với máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC50W, bánh xích màu sơn xanh tím tạt giữ của Phạm Văn T, quá trình điều tra xác định máy xúc này là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn H; anh H không biết lái máy xúc đào bánh xích này nên đã thuê Phạm Văn T là em họ của anh H điều khiển sử dụng để thi công các công trình trong xã. Chiều ngày 03/3/2023, anh H đưa vợ con đi khám, chữa bệnh tại Bệnh viện V - TP. S nên khi T sử dụng máy xúc trên đi khai thác đất trái phép tại khu đồi A1 - xã A thì anh H không biết, do vậy anh H không liên quan đến vụ án. Ngày 29/5/2023, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn H.

Đối với các xe ô tô tải biển kiểm soát L1, Q1, N1, P1, M1, quá trình điều tra xác định các xe ô tô tải trên do các anh Trần Văn L, Trần Tiến Q, Nguyễn Minh N, Nguyễn Trung P và Hồ Mạnh M là những người lái xe chở đất vào ngày 03/3/2023, anh L, anh Q, anh N, anh P, anh M chỉ lái xe thuê và đều không biết việc T khai thác đất trái phép. Do vậy ngày 25/5/2023, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại những xe ô tô trên cho các chủ sở hữu.

Đối với 4,11m³ đất thu trên thùng xe ô tô biển kiểm soát 19C-031.61 có khối lượng không đáng kể, cơ quan điều tra đã yêu cầu dỡ lại vị trí ban đầu.

Tại Cáo trạng số 76/CT -VKS-P1 ngày 15 tháng 6 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xác nhận bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 3.234.000 đồng để khắc phục hậu quả hành vi phạm tội do mình gây ra.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo khai nhận tối ngày 03/3/2023, Phạm Văn T đã có hành vi khai thác trái phép tài nguyên là vật liệu xây dựng thông thường (đất) tại thửa đất số M2, tờ bản đồ số M3 ở khu đồi A1 thuộc xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng khối lượng đất khai thác trái phép là 60m³ thuộc đất cấp III (loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn), hàm lượng sỏi sạn từ 64,8% đến 65,9% có tổng giá trị là 3.234.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; Kết luận giám định; Kết luận định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được. Do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác tài nguyên trái phép, chưa hết thời gian được xóa hình thức xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục thực hiện hành vi khai thác tài nguyên trái phép nên hành vi khai thác khoáng sản của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; tội danh được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác tài nguyên và môi trường, gây thất thu ngân sách nhà nước và làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bị cáo Phạm Văn T được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và bị cáo đang một mình nuôi con còn nhỏ là lao động chính duy nhất trong gia đình.

Bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền thu lợi bất chính nhỏ và bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại để khắc phục hậu quả nên hành vi phạm tội của bị cáo đáng được khoan hồng. Tuy bị cáo bị xử phạt hành chính thuộc trường hợp đã có tiền sự nhưng tiền sự này là tình tiết dùng để định tội nên bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật

Hình sự. Thấy rằng, bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội và cũng không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội được tự cải tạo để sửa chữa sai lầm và tiếp tục lao động, chăm lo cho gia đình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp và không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.234.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi khai thác đất trái phép gây ra. Cần phải tịch thu số tiền này để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu và trả lại vật chứng là chiếc máy xúc mà bị cáo dùng làm phương tiện khai thác khoáng sản cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn H, anh H không có yêu cầu gì, vì vậy Tòa không xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.234.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng) mà bị cáo Phạm Văn T đã nộp để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra theo biên bản giao nhận vật chứng do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Danh